



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 212.2022/QĐ-VPCNCL ngày 05 tháng 04 năm 2022
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm và dịch vụ**

Laboratory: **Laboratory and Service department**

Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Năng lượng Savina**

Organization: **Savina Power Joint Stock Company**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện - Điện tử**

Field of testing: **Electrical - Electronic**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Nguyễn Duy Thuận**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Nguyễn Duy Thuận	Các phép thử được công nhận/Accredited Tests
2.	Nguyễn Tấn Thịnh	

Số hiệu/ Code: **VILAS 1437**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **05/04/2025**

Địa chỉ/ Address: **37 Hoàng Hoa Thám, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng**
37 Hoang Hoa Tham street, Tan Chinh ward, Thanh Khe district, Da Nang city

Địa điểm/Location: **02 Tân An 1, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng**
No 02 Tan An 1, Hoa Cuong Bac Ward, Hai Chau District, Da Nang City

Điện thoại/ Tel: **089 820 8668**

E-mail: **info@savinajsc.com**

Website: **www.savinajsc.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1437

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử (x)

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Máy điện quay <i>Rotating Electrical Machine</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1kΩ/(5 kΩ ~ 10 TΩ) 1V/(500~5000)V	IEEE 62.2-2004
2.		Đo điện trở một chiều các cuộn dây ở trạng thái nguội <i>Measurement of cold windings resistance</i>	0,05μΩ/(0,5μΩ~100kΩ) 0,1mA/ (25mA ~ 15A)	IEEE 62.2-2004
3.	Máy biến áp lực <i>Power Transformer</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1kΩ/(5 kΩ ~ 10 TΩ) 1V/(500~5000)V	IEEE C57.152- 2013
4.		Đo điện trở một chiều các cuộn dây ở trạng thái nguội <i>Measurement of cold windings resistance</i>	0,05μΩ/(0,5μΩ~100kΩ) 0,1mA/ (25mA ~ 15A)	IEEE C57.152- 2013
5.		Đo tỷ số biến và xác định tổ nối dây <i>Measurement of voltage ratio and phase relationship</i>	0,05/(0,8 ~ 40000) 0,1V/ (4, 40, 100, 250)V 0,2°/ (2 ~ 360°)	IEEE C57.152- 2013
6.	Máy biến dòng điện <i>Current Transformer</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1kΩ/(5 kΩ ~ 10 TΩ) 1V/(500~5000)V	IEEE C57.13.1- 2017
7.		Đo điện trở một chiều các cuộn dây ở trạng thái nguội <i>Measurement of cold windings resistance</i>	0,05μΩ/(0,5μΩ~100kΩ) 0,1mA/(25mA ~ 15A)	IEEE C57.13.1- 2017
8.	Máy biến dòng điện <i>Current Transformer</i>	Đo tỷ số biến và xác định cực tính <i>Measurement of ratio and polarity</i>	0,05/(0,8 ~ 40000) 0,1V/ (1,10, 40, 100, 250) V 0,2°/ (2 ~ 360°)	IEEE C57.13.1- 2017

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1437

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Máy biến điện áp kiểu cảm ứng <i>Inductive Voltage Transformer</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1kΩ/(5 kΩ ~ 10 TΩ) 1V/(500~5000)V	QCVN QTĐ 5:2009 (Điều/ Clause 28)
10.		Đo điện trở một chiều các cuộn dây ở trạng thái nguội <i>Measurement of cold windings resistance</i>	0,05μΩ/(0,5μΩ~100kΩ) 0,1mA/(25mA ~ 15A)	IEEE C57.13-2016
11.		Đo tỷ số biến và xác định cực tính <i>Measurement of ratio and polarity</i>	0,05/(0,8 ~ 40000) 0,1V/ (4, 40, 100, 250)V 0,2°/ (2 ~ 360°)	TCVN 11845- 3:2017
12.	Máy cắt điện cao áp <i>High Voltage Circuit Breaker</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1kΩ/(5 kΩ ~ 10 TΩ) 1V/(500~5000)V	QCVN QTĐ 5:2009/BCT (Điều/ Clause 30,31,32,33)
13.		Đo điện trở tiếp xúc các tiếp điểm chính <i>Measurement of main contact resistances</i>	0,1μΩ / (1μΩ ~ 250mΩ) 0,1A/(1~ 200)A	IEC 62271-1:2017
14.	Dao cách ly cao áp <i>High Voltage Disconnecter</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	0,1kΩ/(5 kΩ ~ 10 TΩ) 1V/(500~5000)V	QCVN QTĐ 5:2009/BCT (Điều/ Clause 34)
15.		Đo điện trở tiếp xúc các tiếp điểm chính <i>Measurement of main contact resistances</i>	0,1μΩ / (1μΩ ~ 250mΩ) 0,1A/(1~ 200)A	IEC 62271-1:2017
16.	Role bảo vệ quá dòng điện <i>Current Protection Relay</i>	Thử dòng điện tác động/ trở về và thời gian tác động <i>Pick-up/Drop-off current and pick-up time test</i>	1 mA/(0,1 ~32)A; 0,01 ms/(0,01 ~9999,99)s	IEC 60255- 151:2009
17.	Role bảo vệ điện áp <i>Voltage Protection Relay</i>	Thử điện áp tác động/ trở về và thời gian tác động <i>Pick-up/Drop-off voltage and pick-up time test</i>	10mV/(0,1~300)V 0,01 ms /(0,1 ~ 9999,99)s	IEC 60255- 127:2010

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1437**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
18.	Role bảo vệ tần số (x) <i>Frequency Protection Relay</i>	Thử tần số tác động/ trở về và thời gian tác động <i>Pick-up/Drop-off frequency and pick-up time test</i>	0,001Hz/(0,01~3000)Hz 0,01s /(0,1~9999,99)s	IEC 60255- 181:2019
19.	Role bảo vệ so lệch <i>Differential Protection Relay</i>	Thử dòng điện so lệch tác động/ trở về và thời gian tác động <i>Pick-up/Drop-off differential current and pick-up time test</i>	1 mA/(0,1 ~32)A; 0,001° /(0,1 ~ 360)° 0,01 ms /(0,1~9999,99)s	IEC 60255- 13:1980
20.	Hệ thống nối đất <i>Earthing System</i>	Đo điện trở nối đất và điện trở suất của đất <i>Measurement of Earthing resistance and Resistivity tests</i>	0,01Ω ~ 19,99kΩ	IEEE Std 81-2012

Ghi chú/Note:

- (x): Toàn bộ các phép thử lĩnh vực Điện – Điện tử được thực hiện tại hiện trường/ *All Electrical and Electronics tests are conducted on – site;*
- IEEE: Ủy ban Kỹ thuật Điện và Điện tử/ *Institute of Electrical and Electronics Engineers;*
- IEC: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế/ *International Electrotechnical Commission./.*